TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HS-ST
Ngày: 17-3-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 08/7/1994 tại Đà Nẵng; Căn cước công dân số: 048094005812; Nơi cư trú: K đường Đ, tổ A TKĐ, phường T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: Không;

Tiền sự:

- Bị Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (cũ) áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời gian 12 tháng kể từ ngày 24/8/2023 tại Quyết định số 54/2023/QĐ-TA ngày 15/9/2023, chấp hành xong ngày 24/5/2024.

Nhân thân:

- Bị Công an phường T (cũ) xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý với số tiền 1.500.000 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 77/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2023.

- Bị UBND phường T (cũ) quyết định đưa vào diện quản lý sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú trong thời hạn 24 tháng tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, kể từ ngày 24/5/2024 đến ngày 24/5/2026.

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2025, có mặt tại phiên tòa.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1955; Trú tại: Tổ B T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 24/11/2025, Công an phường T, thành phố Đà Nẵng kiểm tra thử test đối với Nguyễn Văn T là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại địa phương theo Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú số 63/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T Đông cũ (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng) với thời hạn quản lý từ ngày 24/5/2024 đến ngày 24/5/2026. Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trong cơ thể của Nguyễn Văn T thể hiện dương tính với ma tuý loại Methamphetamine. Công an phường T tiến hành thu mẫu nước tiểu của T chứa trong 01 (một) chai nhựa dung tích 500ml được quấn giấy màu trắng và băng keo trong ký hiệu T1, đồng thời tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, được gắn sim số 0796701730. Qua quá trình điều tra xác định:

Khoảng 14 giờ ngày 17/11/2025, Nguyễn Văn T gặp đối tượng tên T1 (không rõ lai lịch) tại dưới chân cầu P thuộc địa bàn phường T, thành phố Đà Nẵng, để mua 300.000 đồng ma túy đá. Sau đó, T đem gói ma túy mua của T1 về nhà riêng tại địa chỉ: Số K đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng để sử dụng một mình, dụng cụ sử dụng do T tự chế từ nỏ thuỷ tinh nhặt được và chai nhựa đã qua sử dụng. Sau khi dùng hết số ma túy trên, T mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy vứt bỏ tại thùng rác công cộng nên không thu hồi được.

Theo Kết quả giám định số 1380/KL-KTHS ngày 01/12/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ xác định: Trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Văn T gửi giám định có tìm thấy chất ma tuý, loại Methamphetamine.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV3 ngày 07/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "*Sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14 và Luật số 86/2025/QH15 (Sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thực hiện quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội là vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) túi niêm phong có mã số PS2 2123591 đựng bao mẫu hoàn trả có đóng dấu của Phòng K - Công an thành phố Đ, đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 que xét nghiệm chất ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, là tài liệu chứng cứ nên đề nghị được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei 1: 359991095225360, Imei 2: 359992095225368, gắn sim số 0796701730 không liên quan vụ án, đề nghị trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) DVD ghi dữ liệu hỏi cung bị cáo ghi hình có âm thanh là tài liệu, chứng cứ đề nghị lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng truy tố. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt.

Về nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Qua thời gian bị tạm giam, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu hồi được cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Văn T bị Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ) ra Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 quản lý sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú trong thời hạn 24 tháng, thời hạn từ ngày 24/5/2024 đến ngày 24/5/2026. Trong thời gian quản lý sau cai nghiện, vào ngày 17/11/2025, Nguyễn Văn T đã có hành vi sử dụng chất ma tuý tại nhà riêng ở địa chỉ: Số K đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng, sau đó bị công an kiểm tra và phát hiện. Theo Kết quả giám định số 1380/KL-KTHS ngày 01/12/2025 của Phòng K Công an thành

phố Đ xác định: Trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Văn T gửi giám định có tìm thấy chất ma tuý, loại Methamphetamine.

Do đó, hành vi của cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thì thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ ma túy là chất gây nghiện cao, có tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người và sự phát triển của nòi giống dân tộc, tiêu tốn về kinh tế. Đồng thời, ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội khác như HIV…; nhưng bị cáo vẫn cố ý sử dụng trái phép chất ma túy nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân của bản thân. Bị cáo T có 01 tiền sự, từng bị Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (cũ) áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào năm 2023. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, từng bị Công an phường T (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo T mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét cho bị cáo T khi lượng hình.

[4] Tại phiên tòa, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với đối tượng T1 có hành vi bán cho Nguyễn Văn T ma tuý, do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục xử lý sau là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) túi niêm phong có mã số PS2 2123591 đựng bao mẫu hoàn trả có đóng dấu của Phòng K - Công an thành phố Đ, là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei 1: 359991095225360, Imei 2: 359992095225368, gắn thẻ sim 0796701730 không liên quan vụ án, tuyên trả lại cho bị cáo T nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 que xét nghiệm chất ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, 01 (một) DVD ghi dữ liệu hỏi cung Nguyễn Văn T ghi hình có âm thanh là tài liệu, chứng cứ nên cần tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 256a; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14 và Luật số 86/2025/QH15.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14 và Luật số 86/2025/QH15; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15. Tuyên:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong có mã số PS2 2123591 đựng bao mẫu hoàn trả có đóng dấu của Phòng K - Công an thành phố Đ.

2.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei 1: 359991095225360, Imei 2: 359992095225368, gắn thẻ sim 0796701730 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng theo Quyết định chuyển vật chứng vụ án số 01/QĐ-VKSKV3 ngày 07/02/2026, Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2026)

2.3. Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án đối với 01 que xét nghiệm chất ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T; 01 (một) DVD ghi dữ liệu hỏi cung Nguyễn Văn T ghi hình có âm thanh.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CA TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Phân Trại tạm giam Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kiều Trang